Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7102.39.00

Mã HS	7102.39.00
Mô tả hàng hóa	Kim cương, đã hoặc chưa được gia công, nhưng chưa được gắn hoặc nạm dát / - Kim cương phi công nghiệp: / - - Loại khác
Đơn vị	carat
Thời điểm tạo	03/11/2026 03:17:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/71023900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10659
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10659
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10659
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10659
Thuế XK ưu đãi CPTPP	5	5%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10659
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5	5%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10659
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5	5%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10659

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10107
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10058
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10058
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10058
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10058
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10058
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10058
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10110
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10110
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10110

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10110
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10110
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10110
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10111
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10111
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10111
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10111
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10111
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10111
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10112
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10064
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10070
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10070
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10070
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10070
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10070
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10070
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10095
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10095
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10095
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10095
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10095
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10095
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10148
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10148
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10148

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10148
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10148
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10148
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10133
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10133
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10133
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10133
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10133
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10133
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D10133
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E10133
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F10133
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G10133
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H10133
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I10133
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10150
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10150
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10150
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10150
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10150
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10150
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10149
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10149
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10149
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10149
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10149
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10090
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10090
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10090
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10090
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10090
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10090
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10090
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10127
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10127
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10127
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10127
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10127
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10127
RCEP B	2022	2022	0	B!D10127
RCEP B	2023	2023	0	B!E10127
RCEP B	2024	2024	0	B!F10127
RCEP B	2025	2025	0	B!G10127
RCEP B	2026	2026	0	B!H10127
RCEP B	2027	2027	0	B!I10127
RCEP C	2022	2022	0	C!D10127
RCEP C	2023	2023	0	C!E10127
RCEP C	2024	2024	0	C!F10127
RCEP C	2025	2025	0	C!G10127
RCEP C	2026	2026	0	C!H10127
RCEP C	2027	2027	0	C!I10127

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D10126
RCEP D	2023	2023	0	D!E10126
RCEP D	2024	2024	0	D!F10126
RCEP D	2025	2025	0	D!G10126
RCEP D	2026	2026	0	D!H10126
RCEP D	2027	2027	0	D!I10126
RCEP E	2022	2022	0	E!D10130
RCEP E	2023	2023	0	E!E10130
RCEP E	2024	2024	0	E!F10130
RCEP E	2025	2025	0	E!G10130
RCEP E	2026	2026	0	E!H10130
RCEP E	2027	2027	0	E!I10130
RCEP F	2022	2022	0	F!D10127
RCEP F	2023	2023	0	F!E10127
RCEP F	2024	2024	0	F!F10127
RCEP F	2025	2025	0	F!G10127
RCEP F	2026	2026	0	F!H10127
RCEP F	2027	2027	0	F!I10127
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9367
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9367
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9367
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9367

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đá quí và đá bán quí, kim cương, và các loại đá khác > Kim cương (trừ kim cương công nghiệp). (Tham chiếu mã HS 8 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7102.39.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7102.39.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10659), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.